

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ -ST

Ngày: 25 - 8 - 2025

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hệ**

2. Ông **Y Mung Niê**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Quang Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, tỉnh Đ. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh Ph**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, tỉnh Đ

Chỗ ở hiện nay: Số 558/1/12A phường 12, Bình Cuối, quận B, thành phố H (nay Số 558/1/12A phường B, thành phố H. (Vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày đề ngày 09/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thanh Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th (nay phường B, thị xã B), huyện K cũ vào ngày 20/12/1993. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, làm ăn thua lỗ, nợ nần nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn càng trầm trọng không thể hoà giải được và đã sống ly thân từ năm 2017 từ đó đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nguyện vọng của ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh Ph.

Về con chung: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thanh Ph có 04 con chung gồm: Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 01/10/1994, Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 30/4/1996; Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/4/1998 và Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007.

Đối với Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 01/10/1994, Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 30/4/1996 và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/4/1998 đã trưởng thành nên ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết

Đối với Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007 thì nguyện vọng của ông Nguyễn Minh Đ là tôn trọng ý kiến nguyện vọng của cháu V ở với ai thì đề nghị giao cháu cho người đó được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trường hợp giao cho ông Nguyễn Minh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng thì ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp giao cháu V cho bà Nguyễn Thị Thanh Ph trực tiếp nuôi dưỡng thì ông Nguyễn Minh Đ sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng để nuôi cháu V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Ph và ông Nguyễn Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Th (nay phường B, thị xã B), huyện K cũ vào ngày 20/12/1993. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, làm ăn thua lỗ, nợ nần nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn càng trầm trọng không thể hoà giải được và sống ly thân từ năm 2017 từ đó đến nay. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, gặp nhau là cãi nhau không có điểm chung. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thanh Ph không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ vì bà Ph là người theo đạo công giáo, không được phép ly hôn, ông Nguyễn Minh Đ theo người khác thì sau này ông Đ về tuổi già cũng quay về với gia đình.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Ph và ông Nguyễn Minh Đ có 04 con chung gồm: Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 01/10/1994, Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 30/4/1996; Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/4/1998 và Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007

Đối với Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 01/10/1994, Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 30/4/1996; Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/4/1998 đã trưởng thành nên bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007 thì nguyện vọng của bà Ph là tôn trọng ý kiến nguyện vọng của cháu ở với ai thì đề nghị giao cháu cho người đó được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trường hợp giao cho bà Ph được trực tiếp nuôi dưỡng thì bà Nguyễn Thị Thanh Ph yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng 5.000.000 đồng/tháng để nuôi cháu V cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Trog thời gian chung sống thì bà Ph có chuyển cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền 195 triệu đồng về lo công việc giải quyết án tranh chấp với bà Ph và Ngân hàng đề nghị ông Nguyễn Minh Đ trả lại số tiền cho bà Nguyễn Thị Thanh Ph và ông Nguyễn Minh Đ phải có nghĩa vụ đối với khác khoản nợ của vợ chồng khi chủ nợ có yêu cầu. Bà Nguyễn Thị Thanh Ph sẽ sao kê khoản tiền chuyển cho ông Nguyễn Minh Đ và yêu cầu giải quyết sau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để hai bên đoàn tụ, tuy nhiên các bên vẫn giữ nguyên ý kiến của mình đã trình bày. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Ph, tuy nhiên bà Ph vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Minh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh Ph. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Thảo Vy, sinh ngày 15/12/2007 cho bà Nguyễn Thị Thanh Ph được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con chung Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007 hàng tháng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi Nguyễn Ngọc Thảo V đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu, bà Ph có trình bày nhưng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh Ph nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thanh Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Th (nay phường B, thị xã B), huyện K cũ vào ngày 20/12/1993. Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh Ph với lý do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, làm ăn thua lỗ, nợ nần nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn càng trầm trọng không thể hoà giải được và sống ly thân từ năm 2017 từ đó đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thanh Ph đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên tình cảm không còn và không còn quan tâm tới nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được và được các bên thừa nhận. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ, cho ông Nguyễn Minh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh Ph là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thanh Ph có 04 con chung gồm: Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 01/10/1994, Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 30/4/1996; Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/4/1998 và Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007

Đối với Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 01/10/1994, Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 30/4/1996; Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/4/1998 đã trưởng thành nên ông Đ, bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007 thì nguyện vọng của Nguyễn Ngọc Thảo V được ở với bà Nguyễn Thị Thanh Ph. Do đó cần giao con chung Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007 cho bà Nguyễn Thị Thanh Ph được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với ý kiến nguyện vọng của các bên, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Nguyễn Ngọc Thảo V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh Đ đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng 5.000.000 đồng/tháng để nuôi cháu Nguyễn Ngọc Thảo V cho đến tuổi trưởng thành phù hợp với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh Ph nên cần chấp nhận.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Ph trình bày yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ giải quyết nợ chung, nhưng không có đơn yêu cầu cũng như cung cấp các chứng cứ kèm theo nên Tòa án chưa có cơ sở giải quyết, bà Nguyễn Thị Thanh Ph có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ

chung của vợ chồng bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Minh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh Ph

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007 cho bà Nguyễn Thị Thanh Ph được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 01/10/1994, Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 30/4/1996; Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/4/1998 đều đã trưởng thành nên ông Đ, bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng trên tháng) cho chị Nguyễn Thị Thanh Ph để nuôi con chung Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 15/12/2007 cho đến khi Nguyễn Ngọc Thảo V đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Ph trình bày yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ giải quyết nợ chung, nhưng không có đơn yêu cầu cũng như cung cấp các chứng cứ kèm theo nên chưa có căn cứ giải quyết, bà Nguyễn Thị Thanh Ph có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, và 300.000 đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2023/0006406 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đắk Lắk);

Ông Nguyễn Minh Đ phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Cư Bao
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Văn Chinh